TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2026/DS-PT
Ngày: 06 - 5 - 2026
V/v: "*Tranh chấp ranh giới đất giữa các bất động sản liền kề*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Nguyễn Vĩnh Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2026/TLPT- DS ngày 13 tháng 02 năm 2026, về việc: *"Tranh chấp ranh giới đất giữa các bất động sản liền kề"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2025/DS-ST ngày 08/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 554/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông Phạm Phước H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số G, khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Bác Á**, sinh năm 1951. Văn phòng Luật sư Sỹ Kim thuộc Đoàn luật sư thành phố C.

*** Bị đơn:** 1. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Ông Phạm Văn Đợi E, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

* ***Người kháng cáo:*** ông Phạm Phước H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 688, (diện tích 1600m^2 gồm 300m^2 ODT+1300m^2 CLN, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD439583 do UBND quận Ô cấp ngày 05/6/2012 đứng tên ông Phạm Phước H) và thửa đất số 689 (diện tích 9160m^2 đất nuôi trồng thủy sản, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD439582 do UBND quận Ô cấp ngày 05/6/2012 đứng tên ông Phạm Phước H) là của cha mẹ ông để lại. Trước đây khi gia đình mua lại đất của người khác thì cha ông (đã mất) có kêu người lại đo kích thước thửa đất thể hiện chiều ngang phía trước là 50m, chiều ngang phía sau là 53m, còn chiều dài thì không rõ, việc đo đạc kích thước này thì ông có nghe cha ông nói lại, không có giấy tờ gì thể hiện kích thước này.

Còn nguồn gốc thửa đất 687, (diện tích 300m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE854917 do UBND quận Ô cấp ngày 24/8/2011, chỉnh lý qua tên ông Phạm Văn Đ ngày 18/12/2020) của bị đơn là ban đầu của ông Huỳnh Văn T và bà Phạm Thị T1 (chị ruột nguyên đơn) nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của gia đình ông Phạm Văn Đ, sau đó ông T1 và bà T1 cất nhà ở khoảng năm 1985, đến khoảng năm 1997 thì ông T1, bà T1 xây hàng rào cặp với ranh đất ông. Do lúc đó bà T1 là chị ruột ông nên cũng không biết rõ là bà T1 xây hàng rào có lấn qua đất ông hay không.

Đến khi ông T1 và bà T1 ly hôn vào năm 2010, thì Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô Môn đến đo đạc để chia tài sản chung giữa ông T1 với bà T1 thì ông mới biết bà T1 đã xây dựng hàng rào lấn qua đất ông.

Hiện trạng giữa 02 thửa đất thời điểm bà T1, ông T1 sử dụng với đất ông năm 1997 là hàng rào. Nhưng nay vẫn còn có các trụ ranh giữa 02 thửa đất 688 và 687. Ngày 15/4/2024 ông Phạm Phước H có đơn rút lại yêu cầu khởi kiện với ông Phạm Văn Đ Em và ông chưa tranh chấp các phần đất tại vị trí B, C, D của bản trích đo địa chính số 875 ngày 15/10/2024, ông sẽ khởi kiện tranh chấp sau.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Đ trả lại diện tích lấn chiếm là 15,3m^2 theo vị trí A của bản trích đo địa chính số 875 ngày 15/10/2024.

* **Bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:** Nguồn gốc thửa 687 là của gia đình ông, trước đó thì bà nội ông có bán phần đất trên cho vợ chồng ông T1, bà T1 vào khoảng năm 1985. Đến năm 1997 thì vợ chồng ông T1, bà T1 được cấp giấy đất và cất nhà sinh sống theo hiện trạng đã mua của bà nội ông. Tiếp đó thì ông T1, bà T1 ly

hôn nên đã chuyển nhượng phần đất thửa 687 cho ông Huỳnh Tấn K năm 2011, đến năm 2020 thì ông K chuyển nhượng lại cho Nguyễn Phúc Y, đến tháng 12/2020 thì ông nhận chuyển nhượng lại thửa đất 687 từ ông Y.

Từ khi ông T1, bà T1 cất nhà ở đến nay, hiện trạng thửa đất 687 vẫn không thay đổi, đến khi nhận chuyển nhượng thửa 687 vào năm 2020 thì thấy căn nhà của ông T1, bà T1 đã cũ nát nên ông đã tháo dỡ, nhưng hiện trạng xung quanh là hàng rào vẫn còn, ông không hề di dời hay thay đổi. Còn diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 687, từ khi nhận chuyển nhượng đến nay thì ông không có đo đạc, chỉ sử dụng y như hiện trạng của ông T1, bà T1 đã quản lý sử dụng trước đây. Nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại Bản án số: 35/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ đã tuyên xử*:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 15,3m^2 theo vị trí A của bản trích đo địa chính số 875 ngày 15/10/2024 (kèm theo bản trích đo địa chính).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Phạm Văn Đợi E.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí , chi phí đo đạc và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13/10/2025, nguyên đơn ông Phạm Phước H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

* Nguyên đơn ông Phạm Phước H: Vẫn giữ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*:

Luật sư cho rằng nguyên đơn căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của ông là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, giấy tờ mua bán đất giữa bà B với ông T1 và trích đo địa chính số 847 ngày 20/7/2010. Về quá trình sử dụng đất thì ông T1, bà T1 sau khi mua đất của bà B thì cất nhà ở, đến khoảng năm 2000 thì ông T1, bà T1 xây dựng hàng rào bao quanh đất nhưng có lấn qua thửa đất số 688 của ông, nhưng do là anh em trong gia đình nên không tranh chấp. Về việc chôn trụ đá phía trước thửa đất 687 thì được chôn vào năm 2010, đến năm 2013 thì bị người anh ruột tên Đ1 nhổ bỏ, trong cùng năm 2013 ông chôn lại trụ đá ngay vị trí cũ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận sửa án sơ thẩm.

Ngoài ra, luật sư nguyên đơn đề nghị đo đạc lại phần đất tranh chấp nếu diện tích phần đất của nguyên đơn đủ nguyên đơn sẽ rút đơn khởi kiện.

* Bị đơn ông Phạm Văn Đ: Ông cho rằng nguồn gốc quyền sử dụng đất thửa 687 là nhận chuyển nhượng từ ông Y, nhưng trước khi thửa đất 687 qua tên ông Y là của gia đình ông chuyển nhượng qua nhiều đời. Khi ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 687 vẫn còn căn nhà của ông T1, bà T1 xây dựng, vẫn còn hàng rào bằng bê tông kiên cố, nhưng do thấy căn nhà đã cũ nên ông tháo dỡ nhưng hàng rào bê tông xung quanh thửa đất ông vẫn không thay đổi đến nay. Còn trụ đá do ông H tự cắm lấn qua thửa đất số 687 ở phía trước là ông H tự cắm sau năm 2011. Nay ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn do ranh giới ổn định từ trước đến nay.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm*:

Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định ranh giới cụ thể giữa hai thửa đất tại thời điểm ban đầu; việc khai về kích thước đất chỉ là nghe cha nói lại, không có cơ sở chứng minh. Chính nguyên đơn thừa nhận việc xây dựng hàng rào của ông T1, bà T1 từ khoảng năm 1997 và không có tranh chấp trong thời gian dài do quan hệ gia đình.

Bị đơn và những người chuyển nhượng trước đó đều sử dụng đất theo hiện trạng hàng rào ổn định, không có việc lấn chiếm mới. Đối với các trụ ranh mà nguyên đơn cho là mốc giới, lời khai thể hiện việc cắm và thay đổi mốc diễn ra sau này (năm 2010, 2013), không phải là mốc giới gốc được các bên thừa nhận. So sánh với hiện trạng thực tế đo đạc theo bản trích đo địa chính số 875 là 164,3m^2 thì diện tích thực tế thửa 687 của bị đơn thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu cộng thêm diện tích đất tranh chấp 15,3m^2 (vị trí A) thì diện tích đất bị đơn vẫn thiếu.

Quan điểm của luật sư nguyên đơn đề nghị đo đạc lại cũng không có cơ sở chấp nhận vì số liệu đã được cấp sơ thẩm làm rõ.

Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì thêm mới nên không có căn cứ để xem xét lại.

Đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ Y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm, quyền sử dụng đất tranh chấp tại địa bàn quận Ô (cũ), nay là phường T, thành phố Cần Thơ nên Toà án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về phạm vi xét xử: Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Phước H chỉ yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Đ trả lại diện tích đất 15,3m² tại vị trí A theo bản trích đo địa chính số 875 ngày 15/10/2024; các phần diện tích khác nguyên đơn đã rút yêu cầu nên không xem xét.

Trong quá trình thụ lý phúc thẩm nguyên đơn có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ trích lục hồ sơ đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến quyền sử dụng đất được cấp cho ông Hà Tấn K1 tại Chi nhánh Văn phòng Đ2 – Thành phố Cần Thơ và xác định lý do vì sao diện tích đất thiếu so với giấy chứng nhận. Nay, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ sau khi kiểm tra rà soát hồ sơ lưu trữ cũng đã có Công văn phúc đáp xác định diện tích cấp giấy hiện nay đang lưu trữ vẫn xác định diện tích cấp cho ông Hà Tấn K1 là 300m^2 và Chi nhánh Văn phòng Đ2 – Thành phố Cần Thơ cũng đã cung cấp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hà Tấn K1 là 300m^2.

[2] Xét nguyên đơn kháng cáo cũng là yêu cầu cầu khởi kiện, thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Thửa đất số 688 và 689 đứng tên ông Phạm Phước H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2012. Thửa đất số 687 đứng tên ông Phạm Văn Đ, có nguồn gốc chuyển nhượng qua nhiều người, trong đó vợ chồng ông Huỳnh Văn T, bà Phạm Thị T1 sử dụng ổn định từ khoảng năm 1985, đã xây dựng nhà ở và hàng rào kiên cố từ khoảng năm 1997. Sau đó, thửa đất được chuyển nhượng qua nhiều chủ và đến năm 2020 ông Đ nhận chuyển nhượng, tiếp tục sử dụng theo hiện trạng cũ, không thay đổi

ranh giới sử dụng đất. Như vậy, quá trình sử dụng đất thửa 687 thể hiện việc quản lý, sử dụng liên tục, công khai, ổn định theo hiện trạng hàng rào đã được thiết lập từ trước.

[2.2] Về ranh giới và phần diện tích tranh chấp:

Nguyên đơn cho rằng phần diện tích 15,3m² bị lấn chiếm căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kết quả trích đo địa chính. Tuy nhiên: Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định ranh giới cụ thể giữa hai thửa đất tại thời điểm ban đầu; việc khai về kích thước đất chỉ là nghe cha nói lại, không có cơ sở chứng minh. Chính nguyên đơn thừa nhận việc xây dựng hàng rào của ông T1, bà T1 từ khoảng năm 1997 và không có tranh chấp trong thời gian dài do quan hệ gia đình.

Bị đơn và những người chuyển nhượng trước đó đều sử dụng đất theo hiện trạng hàng rào ổn định, không có việc lấn chiếm mới. Đối với các trụ ranh mà nguyên đơn cho là mốc giới, lời khai thể hiện việc cắm và thay đổi mốc diễn ra sau này (năm 2010, 2013), không phải là mốc giới gốc được các bên thừa nhận.

Do đó, kết quả trích đo địa chính chỉ phản ánh số liệu kỹ thuật tại thời điểm đo, chưa đủ cơ sở để khẳng định bị đơn có hành vi lấn chiếm đất của nguyên đơn, nhất là trong bối cảnh ranh giới sử dụng thực tế đã tồn tại ổn định trong thời gian dài.

[2.3] Theo quy định của pháp luật đất đai và án lệ thực tiễn xét xử, trong trường hợp ranh giới đất đã được các bên sử dụng ổn định, lâu dài, công khai mà không có tranh chấp, thì cần ưu tiên xác định ranh giới theo hiện trạng sử dụng ổn định đó. Trong vụ án này: Ranh giới giữa hai thửa đất đã được xác lập bằng hàng rào từ năm 1997; Nguyên đơn biết nhưng không phản đối trong thời gian dài; Bị đơn nhận chuyển nhượng và sử dụng đất ngay tình, liên tục theo hiện trạng; Vì vậy, không có căn cứ xác định bị đơn lấn chiếm diện tích 15,3m² như yêu cầu của nguyên đơn.

Thấy rằng: ông Phạm Phước H hiện là chủ sử dụng đất của thửa 688, 689, diện tích theo giấy chứng nhận của cả 02 thửa đất trên là $1600m^2+9160m^2 = 10.760m^2$, so sánh với hiện trạng thực tế đo đạc theo bản trích đo địa chính số 875 là $11241,5m^2$ thì diện tích 02 thửa đất 688, 689 của nguyên đơn đang thừa, không thiếu so với giấy chứng nhận được cấp.

[2.4] Ngược lại, diện tích thửa đất số 687 của bị đơn được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $300m^2$, so sánh với hiện trạng thực tế đo đạc theo bản trích đo địa chính số 875 là $164,3m^2$ thì diện tích thực tế thửa 687 của bị đơn

thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu cộng thêm diện tích đất tranh chấp 15,3m^2 (vị trí A) thì diện tích đất bị đơn vẫn thiếu.

[2.5] Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng căn cứ vào giấy mua bán đất giữa bà Trần Thị B với ông T1 để làm căn cứ khởi kiện, thấy nguyên đơn cung cấp là bản photocopy, không phải bản chính, việc chuyển nhượng giữa bà B với ông T1 là giao dịch độc lập với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ với ông Y, ông Đ hiện là người đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các đương sự làm cơ sở giải quyết vụ án. Đối với tài liệu là trích đo địa chính số 847 ngày 20/7/2010 không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất nên không xem xét.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của luật sư nguyên đơn đề nghị đo đạc lại nhưng vì cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ lời khai và đủ điều kiện để xét xử; về nội dung yêu cầu sửa án như phân tích nêu trên nên yêu cầu này cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử**:* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Phước H: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 35/2025/DS-ST ngày 08/8//2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 15,3m^2 theo vị trí A của bản trích đo địa chính số 875 ngày 15/10/2024 (kèm theo bản trích đo địa chính).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Phạm Văn Đợi E.

2. *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn phải chịu là 11.228.000 đồng (nguyên đơn đã nộp xong).

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004558 ngày 05/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ) thành án phí.

4. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Buộc ông Phạm Phước H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số 0002432 ngày 21/8/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/5/2026.).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 2 - Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang